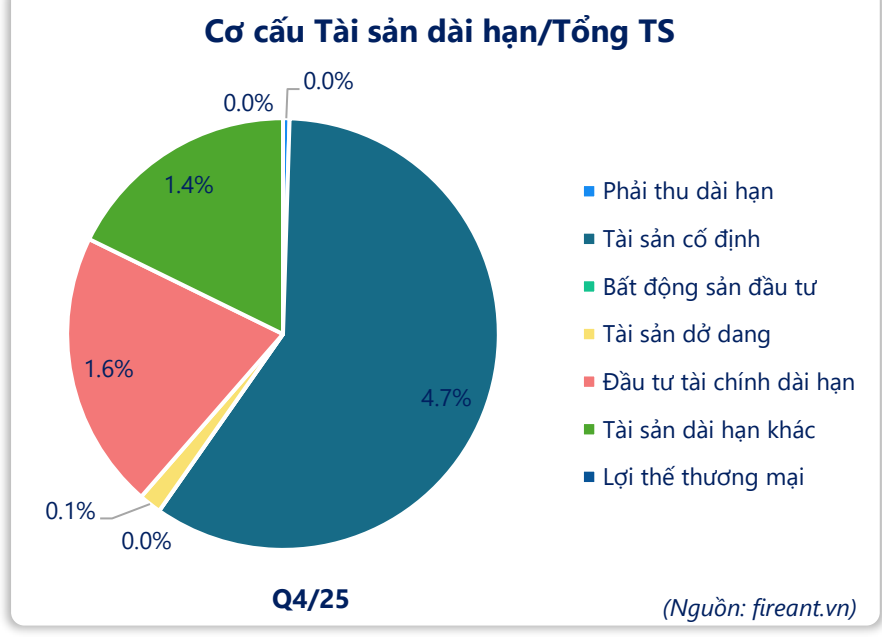
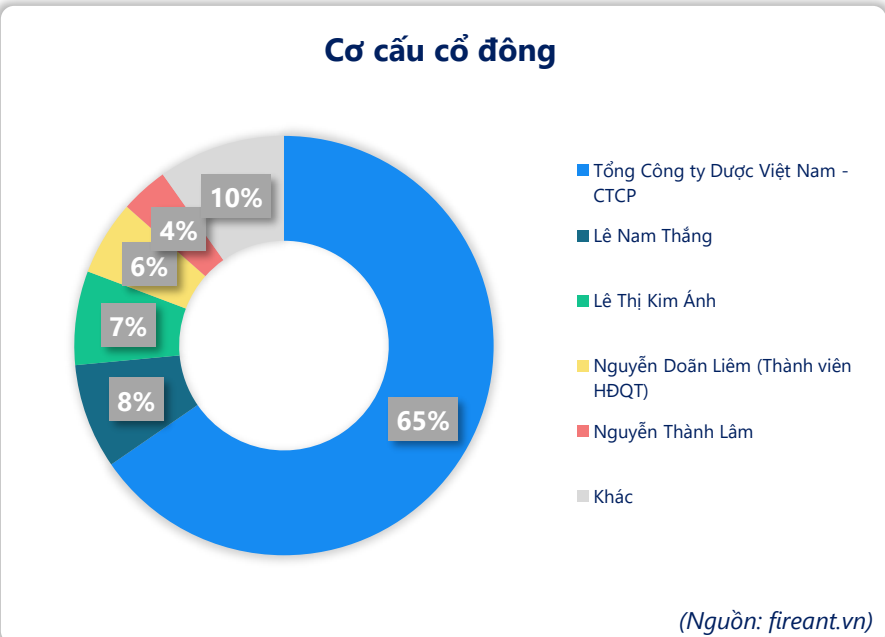
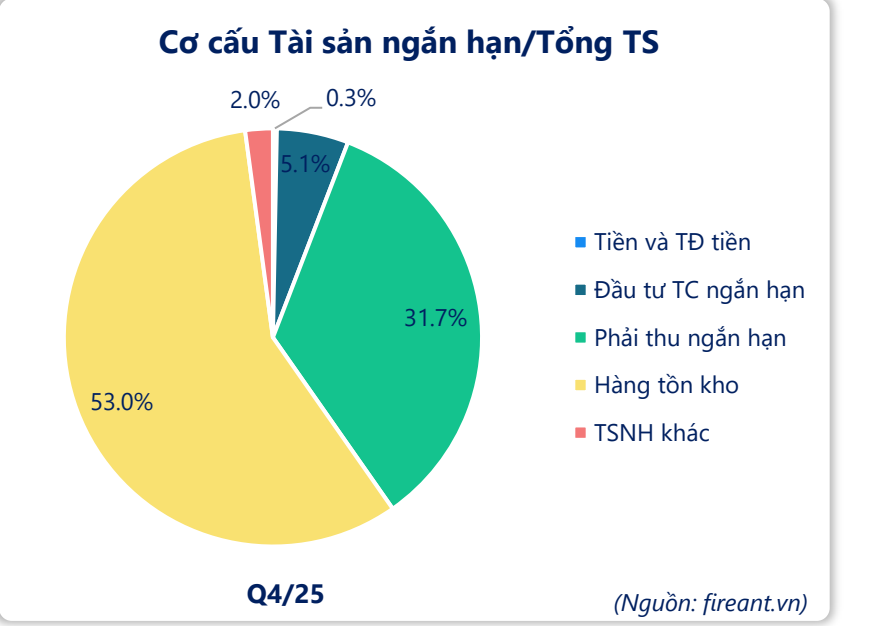
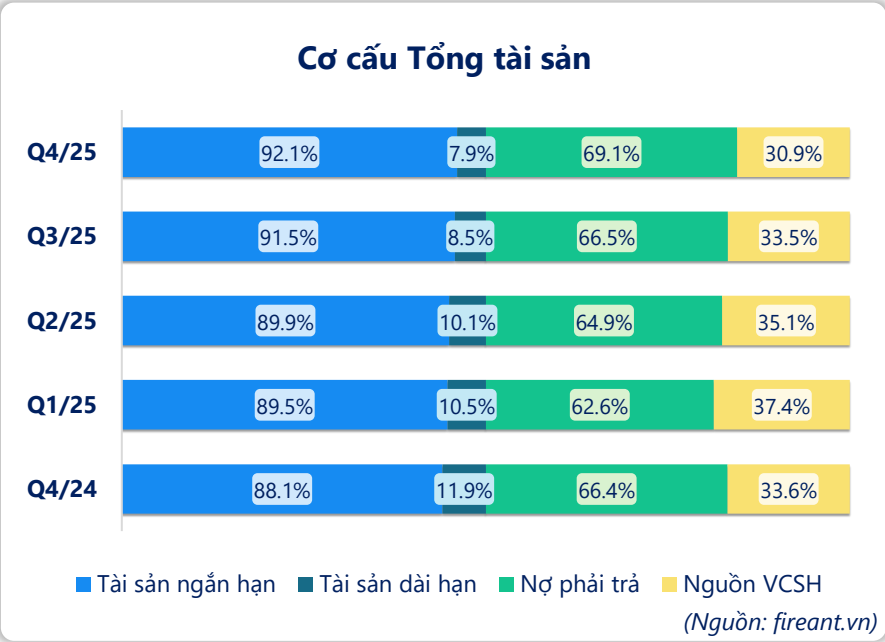
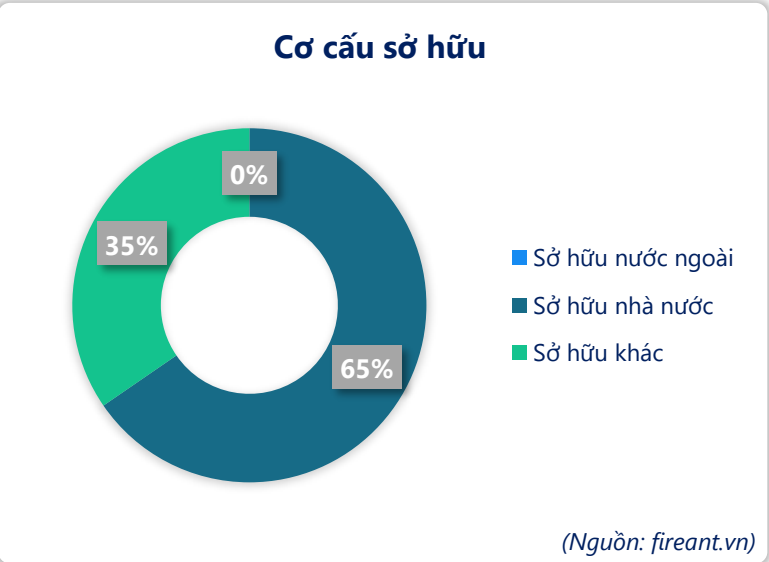
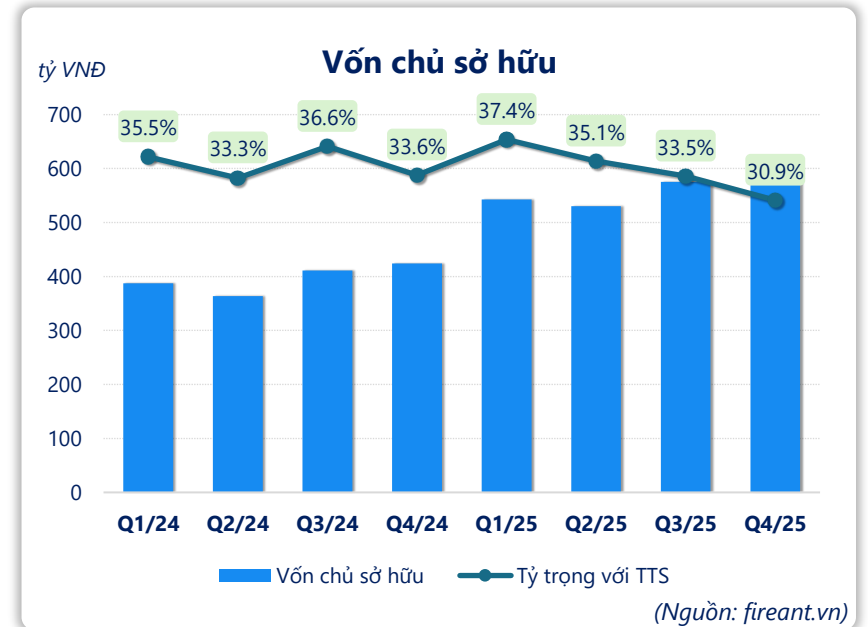
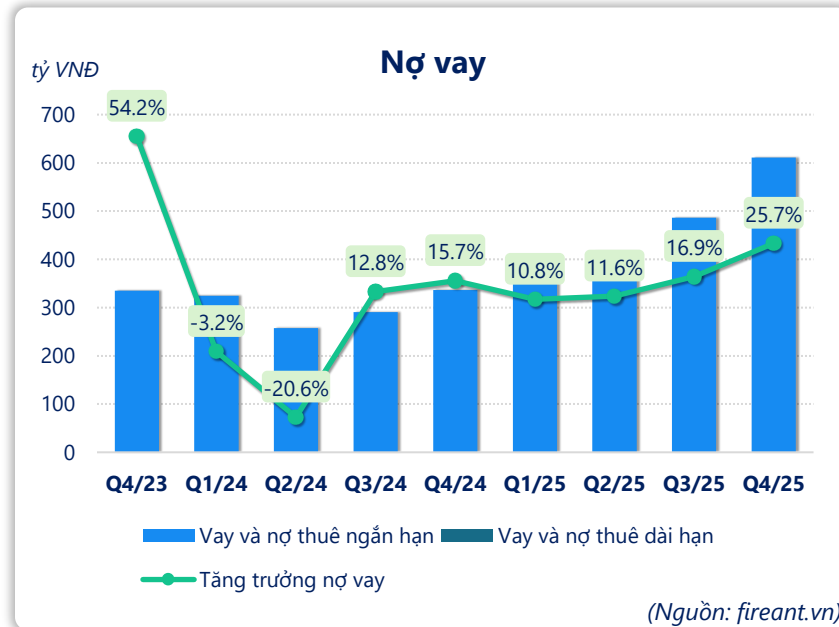
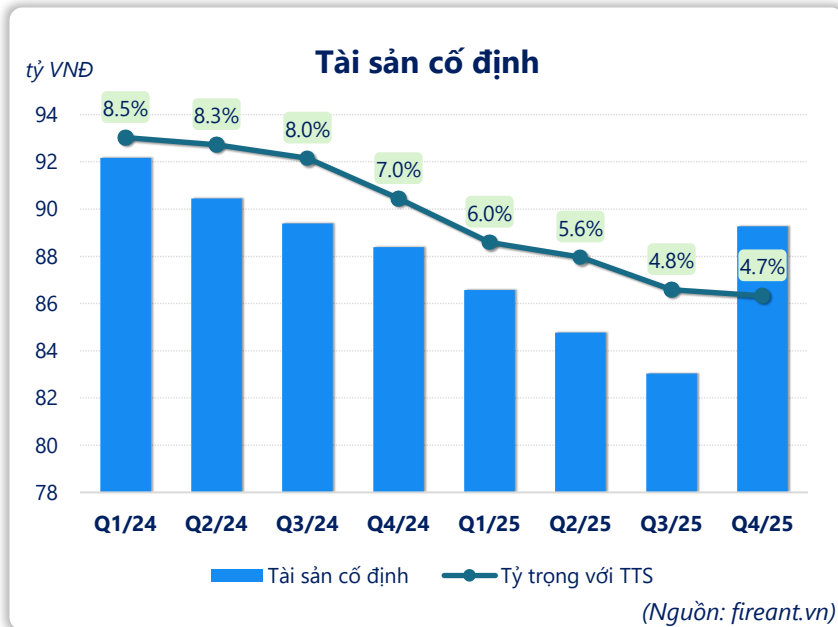
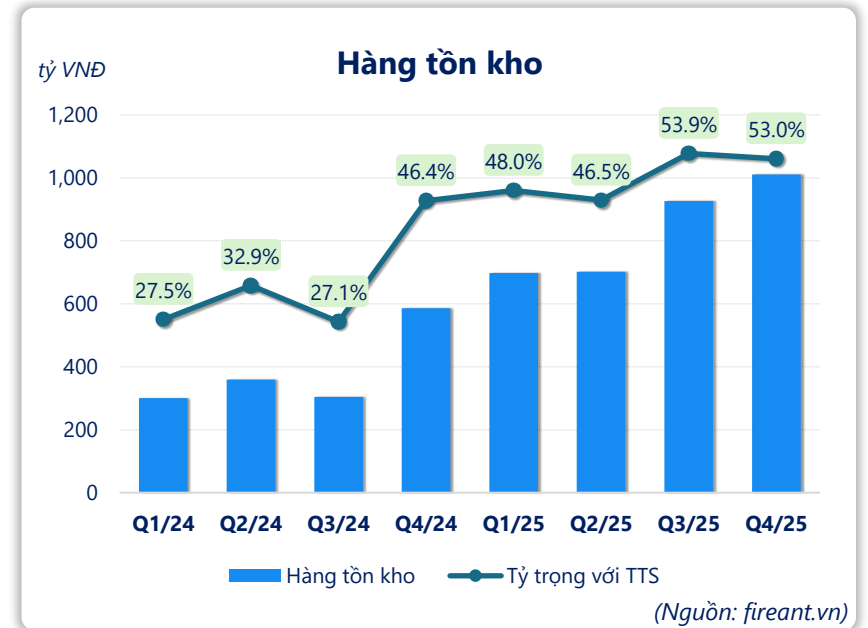
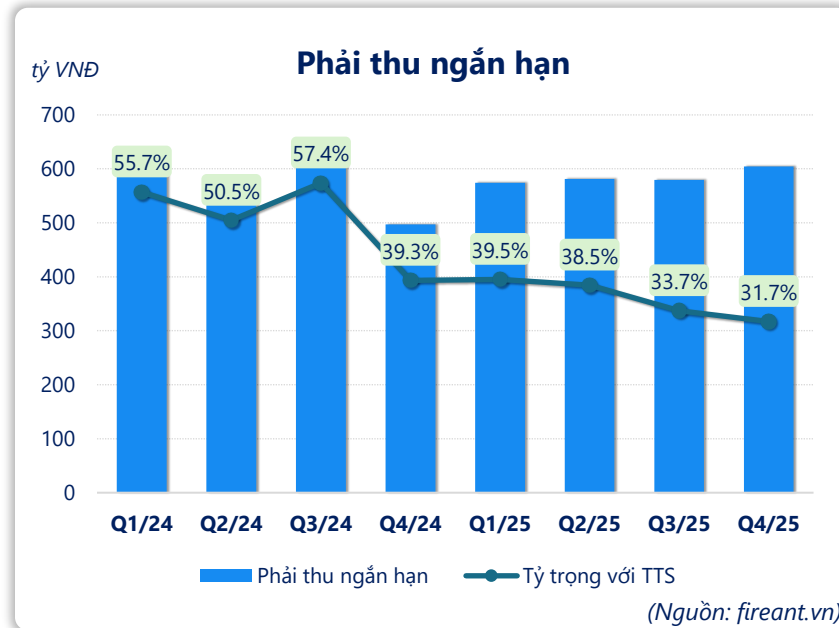
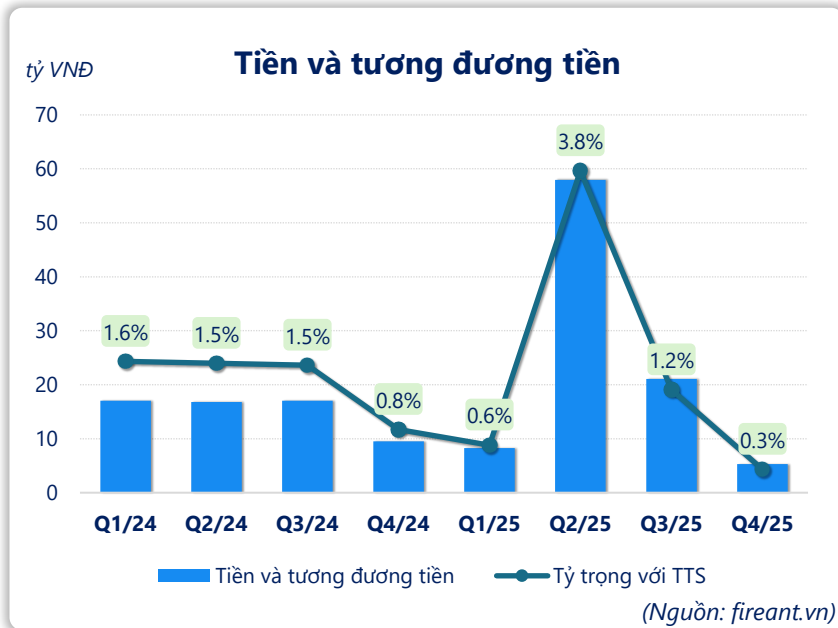
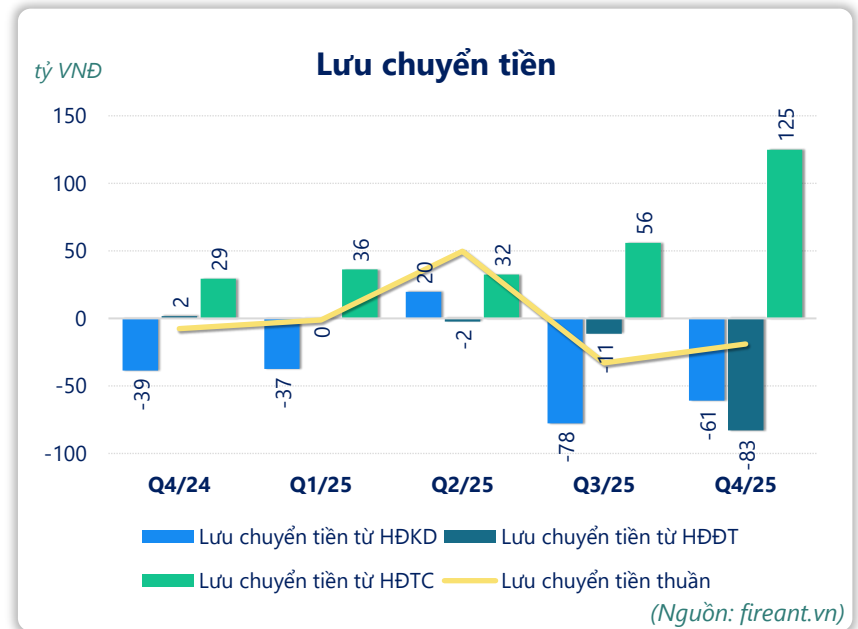
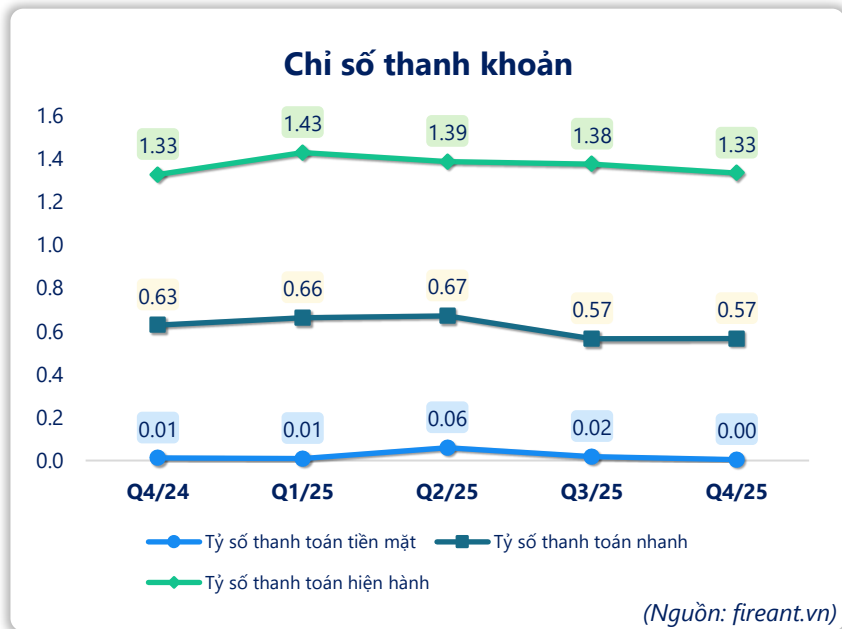
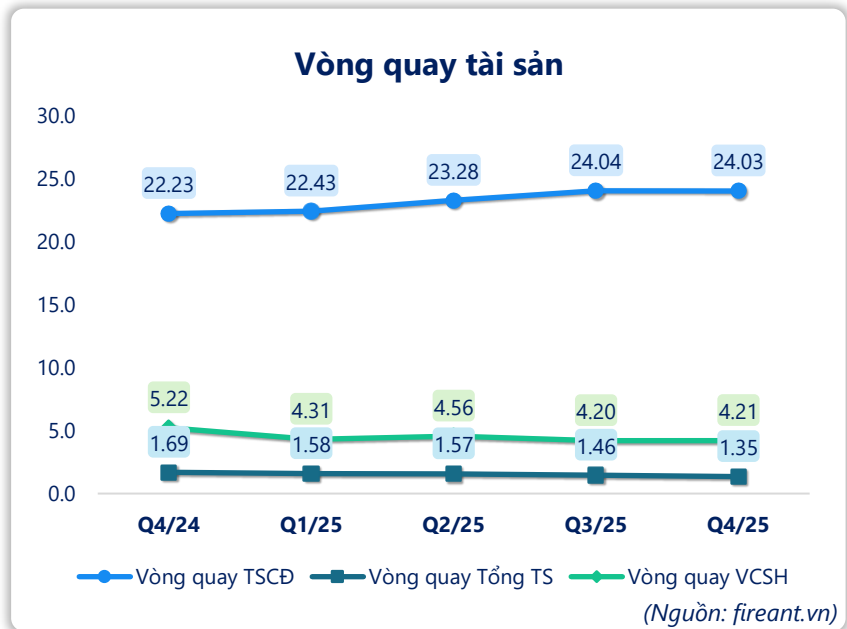
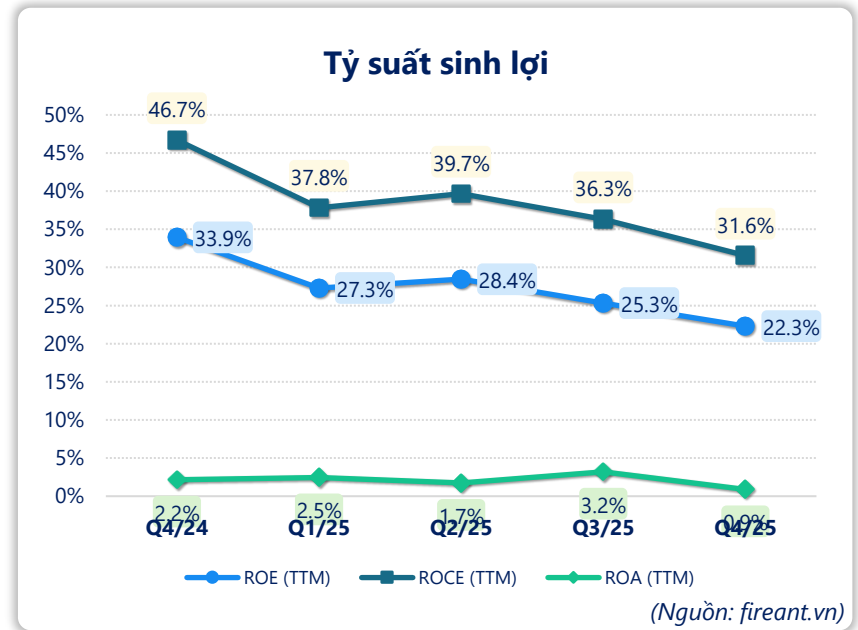
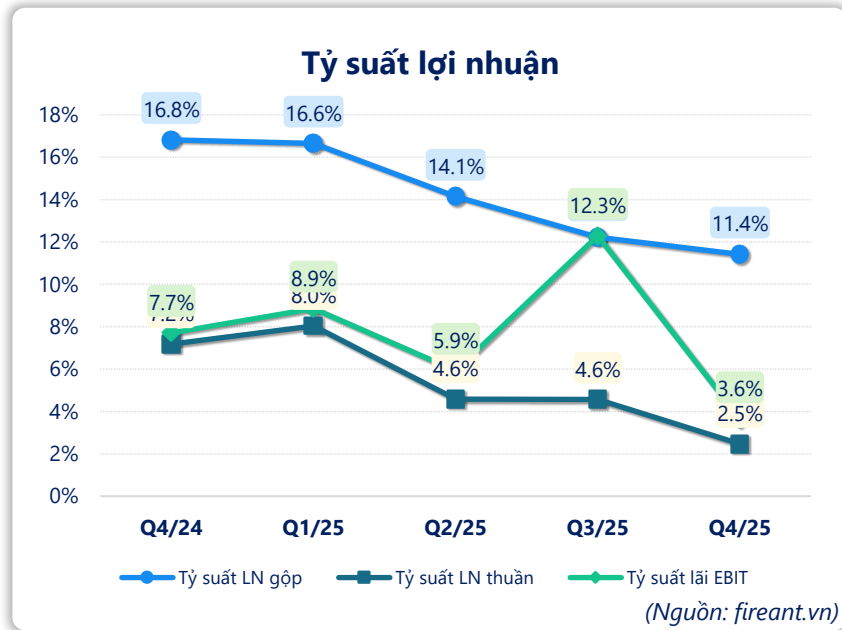
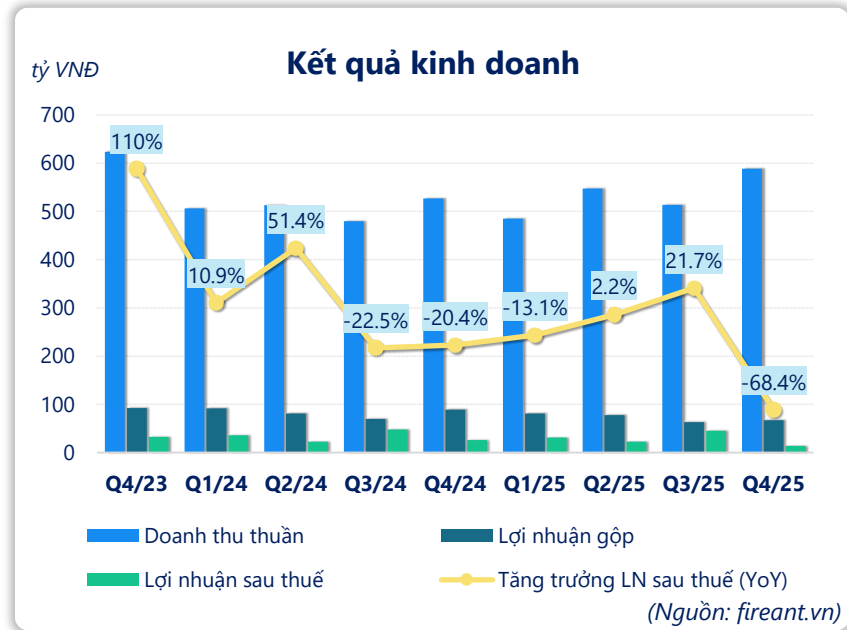


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,940
SL cổ phiếu LH		20,979,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		700
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		724
P/E		6.4
EPS		5,390

	YTD	1T	3T	6T
DP1	-7.0%	-6.5%	-7.5%	-10.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,906	1,393	36.8%
Tài sản ngắn hạn	1,756	1,243	41.2%
Tiền và tương đương tiền	5.30	9.51	-44.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.4	0	
Phải thu ngắn hạn	605	497	21.6%
Hàng tồn kho	1,011	716	41.2%
Tài sản ngắn hạn khác	37.4	21.0	78.3%
Tài sản dài hạn	151	150	0.5%
Phải thu dài hạn	0.74	0	
Tài sản cố định	89.3	88.4	1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.54	0.36	600%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.4	31.6	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	26.7	29.5	-9.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,317	882	49.3%
Nợ ngắn hạn	1,317	882	49.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	611	336	81.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	635	449	41.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	590	512	15.3%
Vốn chủ sở hữu	590	512	15.3%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	527	485	548	513	589
Giá vốn hàng bán	438	404	470	450	521
Lợi nhuận gộp	88.6	80.8	77.4	62.8	67.2
Doanh thu HĐTC	6.76	6.63	5.62	7.40	13.7
Chi phí TC	13.8	14.3	13.0	7.72	7.30
Chi phí lãi vay	3.47	4.03	4.37	4.99	6.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	33.6	28.8	31.4	32.2	47.8
Chi phí QLDN	10.2	5.28	13.5	6.78	11.3
LN thuần từ HĐKD	37.8	39.0	25.1	23.4	14.5
Lợi nhuận khác	-0.65	-0.02	3.00	34.7	0.86
LN trước thuế	37.2	39.0	28.1	58.1	15.4
Lợi nhuận sau thuế	25.9	31.2	22.5	45.4	14.1
LNST của CĐ cty mẹ	25.9	31.2	22.5	45.4	14.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-38.5	-37.4	19.7	-77.6	-60.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.67	-0.06	-2.29	-11.3	-83.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.3	36.2	32.4	56.0	125
Tiền đầu kỳ	17.0	9.51	8.24	58.0	21.1
Lưu chuyển tiền thuần	-7.56	-1.28	49.7	-32.9	-19.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.01	-0.01	-3.97	3.21
Tiền cuối kỳ	9.51	8.24	58.0	21.1	5.30

(Nguồn: fireant.vn)